

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thật.

2. Ông Lê Văn Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1974; có mặt.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn A, xã AN, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn A, xã AN, huyện B, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2020, bản tự khai ngày 03/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã AN, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên thường xuyên gây mâu thuẫn với anh, anh đã giải thích nhưng chị H không nghe; ngoài ra do vợ chồng làm ăn

kinh tế bị thua lỗ (do anh đi làm cửa nhôm cho công trình nhưng họ không thanh toán tiền) nên kinh tế khó khăn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau; từ tháng 6/2017 chị H đã thuê nhà và cho các con chung xuống Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để ở mà không cho anh biết địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng mới về xã AN. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2020 - bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị nhất trí như lời trình bày của anh Trần Văn H về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thường xuyên gây mâu thuẫn với chị vô cớ và lạnh nhạt với chị; ngoài ra do kinh tế khó khăn, anh H đi làm công trình nhưng không được thanh toán tiền nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau; cũng từ tháng 6/2017 chị đã thuê nhà ở Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để ở và chị làm nghề về tóc ở đó, thỉnh thoảng mới về xã AN, chị không đăng ký tạm vắng tạm trú; vợ chồng sống ly thân nhau kể từ tháng 6/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí.

Về nuôi con chung: Anh Trần Văn Hanh và chị Trần Thị H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Trần Phương L, sinh ngày 17/9/2012 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 02/01/2016. Hiện nay cả 02 cháu đều đang ở với chị H. Ly hôn anh chị thống nhất để anh H nuôi cháu Đ, chị H nuôi cháu L, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản riêng; tài sản chung; công nợ; công sức; trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh H và chị H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trần Văn H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Anh Trần Văn H đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Trần Thị H không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, nhiều lần không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án cũng như để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Trần Thị H; Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 02/01/2016, giao cho chị H nuôi dưỡng cháu Trần Phương L, sinh ngày 17/9/2012; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H xin ly hôn chị Trần Thị H, đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn A, xã AN, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 04/5/2011 tại UBND xã AN, huyện B, tỉnh Hà Nam là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác còn với ai thì chị không nắm được, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 06/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H chấp hành giấy triệu tập của Tòa án có mặt để nhận thông báo thụ lý vụ án, viết bản tự khai và có mặt tại phiên hòa giải lần 1 vào ngày 17/6/2020; sau đó chị H không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nữa, vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được vào ngày 20/7/2020; chị H không có mặt để nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án và vắng mặt không có lý do tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án vào ngày 10/9/2020 nên Hội đồng xét xử đã phải hoãn phiên tòa; tại lời khai chị H xác định chị đang làm nghề về tóc tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, do chị làm nghề tự do nên chỗ ở không ổn định, chị thuê nhà nay đây mai đó, không có địa chỉ cụ thể, chị cũng không đăng ký tạm trú, chị vẫn đi về xã AN để ở. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H và chị H là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H có 02 con chung là các cháu Trần Phương L, sinh ngày 17/9/2012 và Trần Tuấn Đ, sinh ngày 02/01/2016; hiện cả hai cháu đều đang ở với chị H. Tại bản tự khai và tại phiên hòa giải lần 1 ngày 17/6/2020, anh H và chị H đều thống nhất để anh H nuôi cháu Đ, chị H nuôi cháu L, anh chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con

chung cùng nhau; tại biên bản lấy lời khai của cháu L ngày 20/7/2020 thì cháu L có nguyện vọng được ở với chị H. Xét thấy, sự thỏa thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với thực tế, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận trên của anh chị giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 02/01/2016, giao cho chị H nuôi dưỡng cháu Trần Phương L, sinh ngày 17/9/2012; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Ly hôn anh chị đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh chị đều xác định anh H có tiêu chuẩn ruộng ở tại thôn A, xã AN; chị H, cháu L và cháu Đ không có tiêu chuẩn ruộng. Ly hôn anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H, chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Trần Văn H và chị Trần Thị H. Giao cho anh Trần Văn H được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 02/01/2016; Giao cho chị Trần Thị H được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Phương L, sinh ngày 17/9/2012; anh H và chị H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L và cháu Đ.

Anh H, chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối cháu L và cháu Đ.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H, mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của anh H chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà anh H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/000456 ngày 03/6/2020 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh chị phải nộp (anh H và chị H đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Anh Trần Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã AN, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện Bình Lục;
- UBND xã AN;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân